

HOA NÔNG NỮ CHÔ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nỗ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :306

Sang : Bánh mì chà cá + nộm tống
NT, mam: chao tôm tống rau đen
Sữa grow
Trữa : Cơm thớt hấp trứng nam meo bún tau.
Canh bầu ngêu thớt heo nạc
Món xào: nẫu cove, cá rô
Xe: sữa chua uống cam
Xe chiều: Bún thớt bỏ hủe cá rô gia sả rau
hung

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36970				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHÔ			
1	Ram (mười)	500	1,060	5,300
2	Chà cá chà sả	3,500	11,880	41,580
3	Tôm chiên	2,500	34,970	87,425
4	Ngêu	4,000	6,300	25,200
5	Nộm mắm Cá (loại 1)	3,000	6,160	18,480
6	Dầu thảo mộc	5,000	6,280	31,400
7	Nộm cá	3,000	3,880	11,640
8	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
9	Xì dầu	2,000	990	19,800
10	Gạo tẻ máy	21,000	2,630	552,300
11	Hạnh lã	1,500	8,400	126,000
12	Hạnh củ tống	1,000	6,300	63,000
13	Cá rô	5,000	5,670	283,500
14	Già nẫu xanh	1,000	2,730	27,300
15	Rau đen	2,500	4,830	120,750
16	Nẫu cove (tống)	2,500	7,770	194,250
17	Rau húng	100	12,920	12,920
18	Sả	300	2,840	8,520
19	Món nhó (nam meo)	200	16,500	33,000
20	Bí (bầu)	9,000	4,730	425,700
21	Bánh mì lát	11,000	4,600	506,000
22	Bún	18,000	1,710	307,800
23	Miến (Bún tau)	500	5,390	26,950
24	Thớt bỏ loại 1	3,000	37,800	1,134,000
25	Thớt lớn nạc	7,700	17,850	1,374,450
26	Trứng vịt	14,500	5,400	783,000
27	Sữa chua Daisy(1 lo)	30,600	5,950	1,820,700
Cong				10,021,190
	*XUẤT KHO			
28	Sữa bột Abbot Grow	6,300	20,500	1,291,500
Cong				1,291,500
Tổng tiền thức phẩm				11,312,690 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nộm chi trong ngày				11322000(đ)
Số đồ nẫu ngay				0(đ)
Số đồ cuối ngày				9310(đ)
Xuất ăn luy kê tống nẫu tháng				
Tiêu chuẩn luy kê tống nẫu tháng				
Tiền chi luy kê tống nẫu tháng				